

Bản án số: 90/HS-ST

Ngày: 08-5-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Vương

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Huỳnh Văn Bay.

2/ Ông Nguyễn Thanh Bình.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Hòa – Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 75/TLST-HS ngày 08 tháng 4 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2019/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 4 năm 2019 đối với bị cáo:

Thái Lan C, sinh năm: 1991 tại: Thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú: 214/15/1B TN, Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Thái Văn H và bà Tạ Thị H; bị cáo chưa có chồng; có 03 con lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2017; tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ 40 phút ngày 31/7/2018, Đội 6 -Phòng PC45 kết hợp với đoàn liên ngành Văn hoá Thành phố Hồ Chí Minh kiểm tra khách sạn Mai Trúc địa chỉ: D20/16Z, Võ Văn V, ấp B, xã V, huyện B phát hiện Lê Thị Hằng N đang bán dâm cho Lê Văn T tại phòng 101, Nguyễn Thị Phương D đang bán dâm cho Nguyễn Tài tại phòng 102. Lực lượng công an tiến hành đưa các đối tượng về công an xã Vĩnh Lộc B lập biên bản sự việc. Tại công an xã Vĩnh Lộc B, các đối tượng khai nhận việc mua bán dâm thông qua việc môi giới của Thái

Lan C là quản lý của quán Karaoke Mẫu Đơn địa chỉ: D20/23 Võ Văn V, Ấp B, xã VLB, huyện B.

Quá trình điều tra xác định quán Karaoke Mẫu Đơn do Phạm Văn Q làm chủ, Quốc thuê Chi làm quản lý, cách khoảng nửa tháng Quốc mới đến quán kiểm tra. Khoảng 1 tuần trước ngày bị phát hiện, do N và D có nhu cầu bán dâm nên Chi giới thiệu khách mua dâm và thoả thuận cho Chi hưởng 200.000 đồng mỗi lượt, Chi đồng ý nhưng không nói cho Q biết. Khoảng 15 giờ ngày 31/7/2018, Lê Văn T, Nguyễn T cùng với Đ, M (chưa rõ lai lịch) đến quán Karaoke Mẫu Đơn nhập. Lúc này, Chi yêu cầu 04 tiếp viên của quán là Lê Thị Hằng N, Nguyễn Thị Phương D cùng T, T (chưa rõ lai lịch) vào tiếp bia. Khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày, T nói với Chi là T và T muốn mua dâm với N và D. Chi đồng ý và thoả thuận với Thành giá bán dâm mỗi người 1.500.000 đồng. Thành và Tài đồng ý đưa tổng số tiền 3.000.000 đồng cho C giữ. C yêu cầu T và T đến khách sạn Mai Trúc, C đưa N và D đến bán dâm. Chi viết giấy ra công cho D và N ra. Khi đến khách sạn Mai Trúc, nếu bán dâm xong C sẽ đưa cho mỗi người 1.300.000 đồng. Chi hưởng tiền môi giới mỗi lượt là 200.000 đồng. Khi N và D đến khách sạn, N và T vào phòng 101, D và T vào phòng 102 và đang thực hiện hành vi bán dâm thì bị Đội 6 - Phòng PC45 kết hợp Đoàn 2 liên ngành Văn hóa xã hội Thành phố kiểm tra khách sạn lập biên bản sự việc như nội dung nêu trên. Quá trình điều tra C khai nhận trước đó đã môi giới cho N bán dâm 01 lần, môi giới cho D bán dâm 02 lần mỗi lần C lấy 200.000đồng.

Tại Cáo trạng số 90/CT-VKS ngày 29 tháng 3 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Thái Lan C về tội “Môi giới mại dâm” theo điểm d và điểm đ khoản 2 Điều 328 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

1. Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung bản cáo trạng.
2. Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B trình bày lời luận tội, giữ quan điểm truy tố như bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo với mức án tù 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù, phạt tiền bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng và xử lý vật chứng theo quy định pháp luật.
3. Bị cáo nói lời sau cùng: do bị cáo có con còn nhỏ, xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo mức án treo để bị cáo có thời gian chăm sóc con.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- [1] Xét về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an

huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã được thực hiện đều phù hợp quy định của pháp luật.

[2] Xét lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các lời khai tại cơ quan điều tra của bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định: Vào ngày 31/7/2018, Thái Lan C đã có hành vi móc nối để cho N và D bán dâm cho T và T tại khách sạn Mai Trúc. Với hành vi đó bị cáo đã phạm tội “Môi giới mại dâm”, tội phạm và hình phạt được quy định Điều 328 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017. Việc bị cáo môi giới cho N bán dâm 02 lần, môi giới cho D bán dâm 03 lần là trường hợp bị cáo phạm tội 02 lần trở lên và phạm tội đối với 02 người trở lên. Đây là tình tiết định khung theo điểm d và điểm đ khoản 2 Điều 328 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

[3] Xét hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự trị an xã hội, đạo đức xã hội, làm ảnh hưởng sức khỏe con người và là nguyên nhân làm lây truyền các loại virus gây bệnh nguy hiểm như bệnh HIV/AIDS. Do đó, cần xử phạt bị cáo với mức án nghiêm nhằm giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

Ngoài ra còn buộc bị cáo nộp lại số tiền thu lợi bất chính đồng thời phạt tiền bị cáo để tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

[4] Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bản thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, hiện nay đang nuôi 03 con nhỏ. Từ đó, xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo mà đáng lẽ ra bị cáo phải chịu.

Đối với hành vi của Lê Văn T, Nguyễn T, Nguyễn Thị Phương D. Qua xác minh các đối tượng này không có đăng ký hộ khẩu thường trú nên cơ quan điều tra chưa ra quyết định xử phạt hành chính.

Đối với hành vi bán dâm của Lê Thị Hằng N cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện B ra quyết định xử phạt hành chính là phù hợp.

Đối với Phạm Văn Q chủ quán karaoke Mẫu Đơn, không biết bị cáo môi giới mại dâm nên cơ quan điều tra không xử lý là phù hợp.

Đối với Phạm Duy P là chủ khách sạn Mai Trúc, không biết các đối tượng T, T, D, N vào khách sạn mua bán dâm nên cơ quan điều tra không xử lý là phù hợp.

[5] Về xử lý vật chứng:

- 02 bao cao su đã qua sử dụng; 01 giấy ra vào công có tên D, N được Thái Lan C duyệt. Xét không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

- 01 xe gắn máy hiệu Dream, biển số 51M1-1859, số máy: 600825, số khung: 0063825 thu giữ của Nguyễn Thị Phương D. Qua xác minh do bà Dương Thị Ngọc O đứng tên chủ sở hữu nhưng bà O đã bán lại cho người bạn (không rõ lai lịch). Hội đồng xét xử xét hiện nay chưa xác định được nơi cư trú của D nên cơ quan điều tra chưa lấy lời khai liên quan đến chiếc xe trên. Do đó, chiếc xe này tiếp tục giao cho cơ quan điều tra công an huyện B để giải quyết theo thẩm quyền.

- 3.000.000 (ba triệu) đồng thu giữ của bị cáo. Đây là số tiền của T, T đưa cho bị cáo để thực hiện hành vi mua bán dâm nên tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm d, đ khoản 2 và khoản 4 Điều 328; điểm b khoản 1 Điều 47; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017;

Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

[1] Tuyên bố bị cáo Thái Lan C phạm tội “Môi giới mại dâm”.

[2] Xử phạt: Bị cáo Thái Lan C 04 (bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

Phạt tiền bị cáo 10.000.000 (mười triệu) đồng để tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

Buộc bị cáo nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 600.000 (sáu trăm nghìn) để tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

[3] Xử lý vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy: 02 bao cao su hiệu Supemen đã qua sử dụng; 01 giấy ra vào công có tên D, N được Thái Lan C duyệt.

- Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền 3.000.000 (ba triệu) đồng.

- 01 xe gắn máy hiệu Dream, biển số 51M1-1859, số máy: 600825, số khung: 0063825 giao cho cơ quan điều tra công an huyện B để giải quyết theo thẩm quyền.

Theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 03/5/2019 tại Kho vật chứng Cơ quan Thi hành án dân sự huyện B và theo giấy nộp tiền vào tài khoản lập ngày 04/3/2019 tại Kho bạc nhà nước huyện B.

[4] Buộc bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[5] Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

[6] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TPHCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TPHCM;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện B;
- Công an huyện B;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện B;
- PC 53- Công an TPHCM;
- Sở tư pháp TPHCM;
- Bị cáo;
- Đương sự;
- Lưu hs;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Khắc Vương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Khắc Vương

